

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2024/HS-ST
Ngày 02-4-2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Bá Khuyến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà La Thị Thu Nga.

Bà Đoàn Thị Mến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Danh Thị Ngọc Lệ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 13/2024/TLST-HS, ngày 07 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 15/2024/QĐXXST-HS, ngày 19 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Danh Thị L, sinh ngày 12 tháng 7 năm 1980 tại tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Nơi cư trú: Khu phố P1, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Danh Văn T (đã chết) và bà Trương Thị L1 (L), sinh năm 1968; có chồng là ông Mai Anh T1, sinh năm 1982 (không chung sống với nhau từ năm 2018) có 02 con, người con lớn sinh năm 2008, người con thứ hai sinh năm 2017. Chung sống như vợ chồng với ông Trần Tấn S, sinh năm (không rõ) có 02 con, người con lớn sinh năm 1998, người con thứ hai sinh năm 2000; tiền án: Tại Bản án số 176/HS.ST, ngày 24/9/2002 của Tòa án nhân dân quận G, thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa nộp 5.000.000 đồng tiền phạt và chưa đóng 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 26/9/2023, chuyển tạm giam ngày 05/10/2023 theo Lệnh tạm giam số 129/LTG, ngày 05/10/2023 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công

an huyện X. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt).

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người chứng kiến: Ông Nguyễn Anh T2, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Ấp T, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 26/9/2023, Đoàn Biên phòng PT chủ trì, phối hợp với Phòng phòng, chống ma túy và tội phạm Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và Công an xã P, huyện X (gọi tắt là: Tổ công tác) tiến hành tuần tra, kiểm soát trên địa bàn. Đến 10 giờ 35 phút cùng ngày, tại phía trước nhà nghỉ TQ thuộc tổ 0, ấp T, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Tổ công tác phát hiện Danh Thị L có biểu hiện nghi vấn và có dấu hiệu tội phạm nên đã yêu cầu kiểm tra. Lúc này, do L đang cất giấu ma túy chờ bán cho người khác, biết hành vi sẽ bị phát hiện nên tự nguyện lấy 01 (một) gói nylon được hàn kín, bên trong chứa chất kết tinh không màu-trong suốt trong túi quần bên phải đang mặc ra giao nộp và tự khai nhận là ma túy đá. Tổ công tác đã lập biên bản, niêm phong vật chứng nghi là ma túy và tạm thu giữ của L 01 (một) điện thoại di động hiệu Ite1 A26, màu xanh lá, số IMEI 1: 3563334302960..., số IMEI 2: 356333430296... (đã qua sử dụng). Sau đó, yêu cầu L về trụ sở để làm việc, tại đây khi thực hiện xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể đối với L, kết quả cho thấy L dương tính với ma túy tổng hợp dạng đá (Bl 64). Cùng ngày, cơ quan chức năng đã ra lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của L tại phòng trọ số 0, đường số 0, khu phố P1, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và ra quyết định trưng cầu giám định chất ma túy.

Kết quả khám xét, không phát hiện, thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan đến ma túy (Bl 23-26).

Kết luận giám định số 411/KL-KTHS-MT, ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu kết luận: Mẫu A gửi đến giám định có khối lượng 1,0957 gam, không tìm thấy thành phần các chất ma túy thường gặp. Hoàn lại đối tượng giám định gồm: Mẫu vật đã sử dụng hết trong quá trình giám định (Bl 56).

Sau đó, toàn bộ hồ sơ tài liệu và vật chứng được chuyển tới Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (viết tắt là: Cơ quan Cảnh sát Điều tra) xử lý theo thẩm quyền (Bl 41-45).

Ngày 05/10/2023, Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã ra quyết định tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu của Danh Thị L gồm: 01 (một) phong bì màu trắng được niêm phong vụ số 411 ngày 29/9/2023, có in hình dấu của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cùng các chữ ghi họ tên: Thượng tá Đỗ Ngọc Đ, Hoàng Thị Lan M, Nguyễn Ngọc T, Phạm Hồng T1; 01 (một) điện thoại di động

hiệu IteI A26, màu xanh lá, số IMEI 1: 3563334302960..., số IMEI 2: 356333430296..., bên trong chứa sim số: 0702993.... (B1 50).

Quá trình điều tra, L khai nhận: Trước đó có quen biết với người phụ nữ tên H (không rõ nhân thân, lai lịch) nên khoảng 10 giờ ngày 26/9/2023, khi L đang ở phòng trọ thuộc khu phố P1, thị trấn P, huyện X thì H đến và nói L đi đến gốc cây trước Bến xe khách XM tại quốc lộ 00, xã P, huyện X lấy ma túy rồi mang đến khu vực trước nhà nghỉ TQ để bán cho người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) với giá 1.200.000 đồng. L đã đồng ý và tự đi lấy ma túy, sau đó đi đến điểm hẹn nhưng chưa bán được ma túy thì bị phát hiện, mục đích đi bán ma túy giúp H là để được H mua đồ ăn, mua sữa và cho cả ma túy sử dụng.

Ngoài ra, L còn thừa nhận trước đó cũng với phương pháp, thủ đoạn, động cơ và mục đích như trên, L đã 02 lần nhận ma túy của H, bán cho người khác, cụ thể như sau: Lần thứ nhất vào khoảng 08 giờ ngày 16 tháng 9 năm 2023, tại quán cà phê TN thuộc ấp T, xã P, huyện X. L đã bán 01 (một) gói ma túy đá cho người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) với giá 500.000 đồng và mang tiền về cho H, lần này H trả công cho L bằng cách mua đồ ăn cho L và mua sữa cho con của L; Lần thứ hai vào khoảng 16 giờ, ngày 19 tháng 9 năm 2023, tại cầu SK thuộc xã P, huyện X. L tiếp tục bán cho người đàn ông lần trước 01 (một) gói ma túy với giá 1.000.000 đồng, lần này ngoài việc mua đồ ăn, mua sữa thì H còn cho L ma túy để sử dụng (B1 78-100).

Cáo trạng số 17/CT-VKSXM, ngày 28/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu truy tố bị cáo Danh Thị L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa hình sự giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Danh Thị L phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Danh Thị L từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 26/9/2023).

Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì đã được niêm phong vụ số 411, ngày 29/9/2023.

- Trả lại cho bị cáo: 01 (một) điện thoại di động hiệu IteI A26, màu xanh lá, số IMEI 1: 3563334302960..., số IMEI 2: 3563334302960..., bên trong có gắn 01 (một) sim chứa dãy số 0702993... (đã qua sử dụng).

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận sau khi sự việc xảy ra, bị cáo đã nhận thức

được hành vi đã thực hiện là vi phạm pháp luật và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố. Bị cáo thật sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội và không bào chữa, tranh luận.

Người chứng kiến vắng mặt tại phiên tòa, ngoài lời khai có trong hồ sơ vụ án thì không gửi văn bản trình bày bổ sung gì thêm cũng như không có ý kiến gì khác.

Khi nói lời sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt để bị cáo sớm có cơ hội tái hòa nhập cộng đồng và trở thành người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội: Khoảng 10 giờ ngày 26/9/2023, bị cáo Danh Thị L đã có hành vi nhận ma túy đá từ người phụ nữ tên H (không rõ nhân thân, lai lịch) để bán cho người khác trước khu vực nhà nghỉ TQ thuộc tổ 0, ấp T, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nhưng chưa kịp bán thì bị Tổ công tác phát hiện bắt giữ cùng tang vật vào hồi 10 giờ 35 phút cùng ngày. Trong quá trình điều tra, bị cáo còn thừa nhận trước đó cũng đã 02 lần nhận ma túy của H để mang bán cho người khác. Lần thứ nhất, vào khoảng 08 giờ ngày 16 tháng 9 năm 2023, tại quán cà phê TN thuộc ấp T, xã P, huyện X, bị cáo đã bán 01 (một) gói ma túy đá cho một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) với giá 500.000 đồng và mang tiền về cho H; Lần thứ hai, vào khoảng 16 giờ, ngày 19 tháng 9 năm 2023, tại cầu SK thuộc xã P, huyện X, bị cáo vẫn bán cho người đàn ông lần trước 01 (một) gói ma túy nhưng với giá 1.000.000 đồng và cũng mang tiền về đưa lại cho H. Tất cả những lần bán ma túy giúp H thì đều được H trả công bằng cách mua đồ ăn, mua sữa hoặc có khi vừa mua đồ ăn vừa mua sữa và còn cho cả ma túy để bị cáo sử dụng.

Tại Kết luận giám định số 411/KL-KTHS-MT, ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã kết luận: Mẫu A (Mẫu chất kết tinh không màu-trong suốt tạm giữ của Danh Thị L) gửi đến giám định có khối lượng 1,0957 gam, không tìm thấy thành phần các chất ma túy thường gặp. Tuy nhiên, căn cứ Thông tư liên tịch số 08/2015/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP, ngày 14/11/2015 của Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân Tối cao và Bộ Tư pháp; áp dụng hướng dẫn tại tiểu mục 5 của mục I Công văn số 89/TANDTC-PC, ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân Tối cao thì hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra; phù hợp với lời khai của người chứng kiến; phù hợp với biên bản kiểm tra, thu thập dữ liệu điện tử, với vật chứng thu giữ được và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo: Bị cáo là người đã thành niên, có sức khỏe và đủ nhận thức để hiểu được tác hại của ma túy và những điều cấm của pháp luật đối với mọi hành vi phạm tội về ma túy. Vì không có việc làm nhưng do lười lao động và háo hức những lợi ích vật chất hằng ngày, bị cáo đã coi thường pháp luật nên khi được người khác nhờ, mượn thì sẵn sàng thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy với mục đích vừa có đồ ăn và sữa cho con vừa thỏa mãn cho nhu cầu nghiện hút ma túy của mình.

Mặc dù, kết luận giám định chất thu giữ không phải là ma túy nhưng bị cáo khi thực hiện hành vi mua bán đã ý thức rằng đó là chất ma túy và trong quá trình điều tra, bị cáo cũng thừa nhận đã 02 lần bán ma túy vào các ngày 16 và ngày 19 tháng 9 năm 2023. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng, đã vi phạm Điều 5 của Luật phòng, chống ma túy năm 2021 và xâm phạm trực tiếp đến các chính sách của quản lý Nhà nước về phòng, chống ma túy; gây tác hại nhiều mặt cho xã hội, ảnh hưởng đối với sức khỏe con người, là nguyên nhân dẫn đến các loại tội phạm khác, tạo dư luận xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là phạm tội nhưng vẫn thực hiện hành vi với lỗi cố ý nên hành vi của bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện X truy tố bị cáo và việc luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, quá trình lượng hình có xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

[2] Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo được cơ quan chức năng xác định là người nghiện ma túy, bản thân bị cáo đã có một tiền án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” tại Bản án số 176/HS.ST, ngày 24/9/2002 của Tòa án nhân dân quận G, thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa nộp 5.000.000 đồng tiền phạt và chưa đóng 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm nên đến nay chưa được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân để tu dưỡng, rèn luyện, tự giác cai nghiện mà do háo hức lợi nên cố ý thực hiện hành vi phạm tội mới thuộc cùng một loại tội xâm phạm trực tiếp đến các chính sách của quản lý Nhà nước về phòng, chống ma túy những điều

đó cho thấy bị cáo là người có nhân thân xấu, khó giáo dục, cải tạo. Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo ý thức tôn trọng pháp luật, tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới. Đồng thời, nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm.

- Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có một tiền án nên lần phạm tội này bị cáo thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[3] Sự vắng mặt của người chứng kiến nhưng đã có lời khai làm rõ các tình tiết liên quan đến vụ án nên việc vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, vẫn tiến hành xét xử.

[4] Hình phạt bổ sung: Bị cáo là người nghiện ma túy; bản thân bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập khác, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự là phù hợp.

[5] Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- 01 (một) phong bì đã được niêm phong vụ số 411, ngày 29/9/2023. Đây là vật không có giá trị, không sử dụng được nên tịch thu, tiêu hủy.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Ite1 A26, màu xanh lá, số IMEI 1: 3563334302960..., số IMEI 2: 3563334302960..., bên trong có gắn 01 (một) sim chứa dãy số 0702993... (đã qua sử dụng). Đây là tài sản hợp pháp của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo vì không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án.

[6] Các vấn đề khác:

- Đối với người phụ nữ tên H là người mà bị cáo khai đã bán giúp ma túy cho người này và người đàn ông là người mà bị cáo khai đã mua ma túy 02 lần của bị cáo vào các ngày 16 và ngày 19/9/2023. Hiện nay, chưa xác định được tên, tuổi và địa chỉ cụ thể của 02 người này, ngoài lời khai của bị cáo, Cơ quan Cảnh sát Điều tra không thu thập được tài liệu, chứng cứ nào khác, cũng như chưa làm việc được với hai người nói trên nên tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ nếu có căn cứ sẽ đề nghị xử lý sau theo quy định của pháp luật.

- Đối với lời khai nhận của bị cáo về việc đã bán ma túy giúp H 02 (lần) vào các ngày 16 và ngày 19/9/2023. Ngoài lời khai của bị cáo, đến nay Cơ quan Cảnh sát Điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch cũng như chưa làm việc được

với người phụ nữ tên H và người đàn ông mua ma túy của bị cáo, chưa thu thập được tài liệu, chứng cứ khác để chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo vào 02 ngày nêu trên nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ nếu có căn cứ thì sẽ xử lý hành vi của bị cáo theo quy định.

Do đó, tất cả các vấn đề nêu trên, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét, giải quyết.

[7] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Điều tra viên Cơ quan Cảnh sát Điều tra công an huyện X; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện X được phân công điều tra, kiểm sát giải quyết vụ án thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phần xét hỏi, tranh luận nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, có cơ sở để xác định các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 47 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106; Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Danh Thị L phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt:

- Hình phạt chính: Phạt bị cáo Danh Thị L 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 26/9/2023).

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

2. Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Tịch thu và tiêu hủy: 01 (một) phong bì đã được niêm phong vụ số 411, ngày 29/9/2023.

- Trả lại cho bị cáo Danh Thị L: 01 (một) điện thoại di động hiệu Itel A26, màu xanh lá, số IMEI 1: 3563334302960..., số IMEI 2: 3563334302960..., bên trong có gắn 01 (một) sim chứa dãy số 0702993... (đã qua sử dụng).

(Vật chứng thu giữ đang được Chi cục Thi hành án Dân sự huyện X, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu bảo quản theo Biên bản giao nhận vật chứng số 29/BB, ngày 01/3/2024).

3. Về án phí: Bị cáo Danh Thị L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đ (hai trăm nghìn) đồng.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện X;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- CQ Điều tra Công an huyện X;
- CQ THA hình sự Công an huyện X;
- UBND thị trấn P, huyện X;
- TAND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- PV06, PC10–Công an tỉnh BR-VT;
- CCTHA Dân sự huyện X;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Bá Khuyến